

Phụ lục I

BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH TỈNH TRONG THÁNG 7 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Văn bản số /UBND-VP7 ngày /8/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai, minh bạch (%) *	Tiến độ giải quyết đúng hạn (%)	Dịch vụ công trực tuyến (%)	Mức độ hài lòng (%)	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử (%)	Điểm trung bình đạt được (%)	Tổng hợp xếp loại
1	Sở Tư pháp	88,2	98,5	63,5	100	99,8	90	Xuất sắc
2	Sở Xây dựng	77,8	96,35	91,7	100	100	93,17	Xuất sắc
3	Sở Khoa học và CN	100	66,67	100	77,4	89	86,614	Tốt
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	100	97,23	74,6	100	100	94,366	Xuất sắc
5	Sở Tài nguyên và MT	100	92,14	0,9	100	77	74,008	Khá
6	Sở Lao động, TB&XH	61,7	87,23	68,4	98,8	100	83,226	Tốt
7	Sở Nội vụ	81,8	73,33	50	95,8	100	80,186	Tốt
8	Sở Văn hóa và Thể thao	100	78,45	64,7	93,1	100	87,25	Tốt
9	Sở Tài chính	1,6	94,59	100	100	100	79,238	Khá
10	Sở Thông tin và TT	100	94,96	93,8	99,2	100	97,592	Xuất sắc
11	Sở Y tế	55,9	85,19	76,3	88,2	96,6	80,438	Tốt
12	Sở Công Thương	100	89,73	99,8	99,9	99	97,686	Xuất sắc
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	100	83,26	97,7	97,4	100	95,672	Xuất sắc
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	62,2	33	47,7	76,2	100	63,82	Trung bình
15	Sở Giao thông vận tải	100	92,8	8,9	100	49,7	70,28	Khá
16	Sở Du lịch	71,7	61,54	100	89,4	100	84,528	Tốt
17	Ban QL Khu các KCN	0	90	0	97,6	100	57,52	Trung bình

Ghi chú: Số liệu được thống kê ngày 06/8/2024

Phụ lục II

BẢNG XẾP LOẠI, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT TTHC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CỦA UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRONG THÁNG 7 NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Văn bản số /UBND-VP7 ngày /8/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình)

CẤP HUYỆN

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai, minh bạch (điểm đạt/18)	Tiến độ giải quyết (điểm đạt/20)	Dịch vụ công trực tuyến (điểm đạt/22)	Mức độ hài lòng (điểm đạt/18)	Số hóa hồ sơ (điểm đạt/22)	Số điểm đạt được	Tổng hợp xếp loại
1	UBND TP. Ninh Bình	18	18,1	9,1	18	15,6	78,8	Khá
2	UBND TP. Tam Điệp	17,4	18,4	8,4	18	14,4	76,6	Khá
3	UBND huyện Nho Quan	15,7	18	15,7	18	17,8	85,2	Tốt
4	UBND huyện Gia Viễn	15,8	18	10,2	18	14,8	76,8	Khá
5	UBND huyện Hoa Lư	11,5	16,7	8,8	17,6	14,6	69,2	Trung bình
6	UBND huyện Yên Mô	16,9	17,7	11,2	17,9	17,3	81	Tốt
7	UBND huyện Yên Khánh	15,1	18,2	9,9	18	16,3	77,5	Khá
8	UBND huyện Kim Sơn	16,8	18,4	9,7	18	16,5	79,4	Khá

CẤP XÃ

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Công khai, minh bạch (điểm đạt/18)	Tiến độ giải quyết (điểm đạt/20)	Dịch vụ công trực tuyến (điểm đạt/22)	Mức độ hài lòng (điểm đạt/18)	Số hóa hồ sơ (điểm đạt/22)	Số điểm đạt được	Tổng hợp xếp loại
I	TP. Ninh Bình							
1	UBND phường Nam Thành	18	16,2	11,7	17,4	17,1	80,4	Tốt
2	UBND phường Phúc Thành	18	19,3	11,4	18	17,5	84,2	Tốt
3	UBND phường Nam Bình	14,8	17,9	11,5	18	16,7	78,9	Khá
4	UBND phường Ninh Khánh	12,5	18,5	11,4	18	17,3	77,7	Khá
5	UBND phường Ninh Sơn	15	19,8	11,6	18	17,2	81,6	Tốt
6	UBND phường Thanh Bình	15	17,7	3,7	17,9	7,9	62,2	Trung bình

7	UBND phường Vân Giang	7,7	19	6,2	18	11,2	62,1	Trung bình
8	UBND phường Ninh Phong	18	19,9	11,9	18	17,6	85,4	Tốt
9	UBND phường Đông Thành	12,4	19,8	10,4	18	14,6	75,2	Khá
10	UBND phường Bích Đào	18	19,7	11,8	18	17,6	85,1	Tốt
11	UBND phường Tân Thành	18	19,2	11,7	18	17,3	84,2	Tốt
12	UBND xã Ninh Phúc	15	19,7	4,6	18	10	67,3	Trung bình
13	UBND xã Ninh Tiến	18	19,6	0,2	18	5,6	61,4	Trung bình
14	UBND xã Ninh Nhất	18	18	11,2	18	17,3	82,5	Tốt
II	TP. Tam Điệp							
1	Phường Nam Sơn	12,9	18	11,8	18	14,9	75,6	Khá
2	Phường Tân Bình	13,4	18,9	11,4	18	15,2	76,9	Khá
3	Phường Yên Bình	15	19,2	11,1	18	14,6	77,9	Khá
4	Xã Quang Sơn	15,4	19,4	11,5	18	14,5	78,8	Khá
5	Phường Bắc Sơn	18	17,9	11,3	17,9	14,5	79,6	Khá
6	Xã Yên Sơn	9,6	20	10,2	18	15,6	73,4	Khá
7	Xã Đông Sơn	15,6	18,2	11	18	14,9	77,7	Khá
8	Phường Trung Sơn	14,1	19,9	11,9	18	14,1	78	Khá
9	Phường Tây Sơn	14,4	18	11,6	18	15,3	77,3	Khá
III	Huyện Nho Quan							
1	UBND xã Xích Thổ	4,3	15,4	19,6	17,1	17,9	74,3	Khá
2	UBND xã Gia Sơn	18	19,2	17	18	18,1	90,3	Xuất sắc
3	UBND xã Gia Thủy	12,8	15,6	13,3	17,3	17,5	76,5	Khá
4	UBND xã Gia Lâm	18	19,2	20,1	18	18	93,3	Xuất sắc

5	UBND Gia Tường	18	18,9	18,1	18	17,5	90,5	Xuất sắc
6	UBND xã Đức Long	8,6	19,4	17,6	18	17,8	81,4	Tốt
7	UBND xã Lạc Vân	14,3	18,5	20,5	18	18,1	89,4	Tốt
8	UBND xã Phú Sơn	18	18,7	21,4	18	17,9	94	Xuất sắc
9	UBND xã Thạch Bình	9,9	18,1	14,8	18	17,4	78,2	Khá
10	UBND xã Đồng Phong	15,5	19,2	20,2	18	17,8	90,7	Xuất sắc
11	UBND Thị trấn Nho Quan	12	18,8	20,2	18	18,1	87,1	Tốt
12	UBND xã Lạng Phong	18	18	21,1	18	17,7	92,8	Xuất sắc
13	UBND xã Văn Phong	9,4	19,4	19,1	18	16,7	82,6	Tốt
14	UBND xã Văn Phương	16,2	19,3	15,6	18	17,8	86,9	Tốt
15	UBND xã Yên Quang	17,3	18,6	21,4	18	17,9	93,2	Xuất sắc
16	UBND xã Cúc Phương	18	19,2	21,7	18	17,8	94,7	Xuất sắc
17	UBND xã Kỳ Phú	18	18,6	14	18	17,1	85,7	Tốt
18	UBND xã Phú Long	18	19,4	17,3	18	17,7	90,4	Xuất sắc
19	UBND xã Văn Phú	14,4	18	19,8	18	17,9	88,1	Tốt
20	UBND xã Phú Lộc	18	19	21,1	18	18	94,1	Xuất sắc
21	UBND xã Quỳnh Lưu	18	15	18,4	16,9	17,5	85,8	Tốt
22	UBND xã Quảng Lạc	18	18,6	18,8	18	17,8	91,2	Xuất sắc
23	UBND xã Sơn Hà	9,2	19,5	18	18	17,2	81,9	Tốt
24	UBND xã Sơn Lai	18	19	17,2	18	18,1	90,3	Xuất sắc
25	UBND xã Sơn Thành	18	18,5	14,9	18	17,8	87,2	Tốt
26	UBND xã Thanh Lạc	18	19,1	17,5	18	17,8	90,4	Xuất sắc
27	UBND xã Thượng Hòa	15,1	19	15,6	18	17,3	85	Tốt

IV	Huyện Gia Viễn							
1	UBND xã Gia Thanh	12,5	19,2	12,8	18	15,2	77,7	Khá
2	UBND xã Gia Xuân	10,5	15,3	10,8	17,1	14,7	68,4	Trung bình
3	UBND xã Gia Trấn	9,4	19,6	11	18	14,8	72,8	Khá
4	UBND xã Gia Tân	7,7	19,2	12,5	18	13,8	71,2	Khá
5	UBND Gia Lập	18	19,6	13,2	18	15,8	84,6	Tốt
6	UBND xã Gia Vân	9,9	19,7	12,6	18	14,5	74,7	Khá
7	UBND xã Gia Hòa	5,2	20	11,8	18	14,1	69,1	Trung bình
8	UBND xã Gia Hưng	18	18,7	12	18	15,5	82,2	Tốt
9	UBND xã Liên Sơn	18	17	9,9	17,7	13,8	76,4	Khá
10	UBND xã Gia Phú	11,2	19,3	11,1	18	14,1	73,7	Khá
11	UBND xã Gia Thịnh	5,4	18,2	11,2	18	14,8	67,6	Trung bình
12	UBND xã Gia Vượng	5,9	18,1	12,1	17,7	13,7	67,5	Trung bình
13	UBND xã Gia Thắng	14,2	20	11,8	18	15	79	Khá
14	UBND xã Gia Tiến	12,9	19,2	11,1	18	14,2	75,4	Khá
15	UBND xã Gia Phương	13,3	17	12,1	17,6	14,4	74,4	Khá
16	UBND xã Gia Trung	18	19,3	11,7	18	15,2	82,2	Tốt
17	UBND xã Gia Phong	18	19	11,1	18	14,3	80,4	Tốt
18	UBND xã Gia Sinh	18	19,7	12,3	18	14,2	82,2	Tốt
19	UBND xã Gia Minh	18	19,7	11,6	18	14,5	81,8	Tốt
20	UBND xã Gia Lạc	10,1	18,7	11,6	18	13,9	72,3	Khá
21	UBND Thị trấn Me	16,1	15,5	11,3	17,1	14,6	74,6	Khá
V	Huyện Hoa Lư							

1	UBND xã Trường Yên	15,4	18,6	13,6	18	15,4	81	Tốt
2	UBND xã Ninh Hòa	6,8	19,1	11,7	18	15,1	70,7	Khá
3	UBND xã Ninh Giang	4,8	17,7	9,2	17,7	12,7	62,1	Trung bình
4	UBND xã Ninh Khang	4,9	18,3	8,8	18	15,3	65,3	Trung bình
5	UBND thị trấn Thiên Tôn	18	17,7	7,4	17,9	12,3	73,3	Khá
6	UBND xã Ninh Mỹ	18	19,4	2,1	18	16	73,5	Khá
7	UBND xã Ninh Xuân	4,6	17,1	7,4	17,7	11	57,8	Trung bình
8	UBND xã Ninh Thắng	18	13,3	10,4	16,5	14,6	72,8	Khá
9	UBND xã Ninh Hải	7,1	19	0	18	4,1	48,2	Yếu
10	UBND xã Ninh Vân	9,5	19,3	11,4	18	13,8	72	Khá
11	UBND xã Ninh An	13,7	19,6	0,2	18	4,4	55,9	Trung bình
VI	Huyện Yên Mô							
1	UBND xã Mai Sơn	14,5	17	11,6	17,6	17,1	77,8	Khá
2	UBND xã Yên Thắng	11,9	19,2	11,7	18	16,9	77,7	Khá
3	UBND xã Khánh Thượng	15,3	16,2	11,7	17,3	17,8	78,3	Khá
4	UBND xã Yên Hòa	12,4	19,4	11,7	18	17,6	79,1	Khá
5	UBND thị trấn Yên Thịnh	11	19	11,9	18	18	77,9	Khá
6	UBND xã Yên Hưng	10,1	18,3	11,3	18	17,1	74,8	Khá
7	UBND xã Khánh Thịnh	18	13,8	10	16,6	16,9	75,3	Khá
8	UBND xã Khánh Dương	18	18	10,9	18	17,2	82,1	Tốt
9	UBND xã Yên Phong	18	19,2	11	18	17,7	83,9	Tốt
10	UBND xã Yên Từ	12,4	19	17,2	18	18,1	84,7	Tốt
11	UBND xã Yên Nhân	15,2	19,1	14,4	18	17,5	84,2	Tốt

12	UBND xã Yên Mạc	18	17,5	13,3	17,9	18	84,7	Tốt
13	UBND xã Yên Mỹ	6,4	18,6	19	18	17,3	79,3	Khá
14	UBND xã Yên Lâm	10,5	19,4	18,3	18	17,8	84	Tốt
15	UBND xã Yên Thái	13,2	18,9	21,2	18	17	88,3	Tốt
16	UBND xã Yên Thành	18	19	15,5	18	17,8	88,3	Tốt
17	UBND xã Yên Đồng	14,8	16,5	18	17,5	17,8	84,6	Tốt
VII	YÊN KHÁNH							
1	UBND TT Yên Ninh	14,6	19,2	10,2	18	15,4	77,4	Khá
2	UBND xã Khánh Hòa	18	17,8	8,6	17,9	17,2	79,5	Khá
3	UBND xã Khánh Phú	14	18,8	11,1	18	17,3	79,2	Khá
4	UBND xã Khánh An	11,6	16,4	10,4	17,4	16	71,8	Khá
5	UBND xã Khánh Cư	10,4	18,8	14,4	18	17,3	78,9	Khá
6	UBND xã Khánh Vân	18	19	7,4	18	14	76,4	Khá
7	UBND xã Khánh Hải	11,5	15,2	10,3	16,9	13,7	67,6	Trung bình
8	UBND xã Khánh Tiên	9,1	19,1	8,2	18	16,2	70,6	Khá
9	UBND xã Khánh Thiện	13,2	19	9,8	18	14,1	74,1	Khá
10	UBND xã Khánh Lợi	16,8	19,3	11,6	18	17,1	82,8	Tốt
11	UBND xã Khánh Nhạ	6,2	18,3	13,2	18	16,6	72,3	Khá
12	UBND xã Khánh Hồng	15	19,4	9,6	18	16,5	78,5	Khá
13	UBND xã Khánh Hội	18	18,2	11,1	18	16,3	81,6	Tốt
14	UBND xã Khánh Mậu	15	18,1	17,7	18	15,7	84,5	Tốt
15	UBND xã Khánh Cường	14	15,2	11,4	17	15,9	73,5	Khá
16	UBND xã Khánh Trung	14,1	18,9	10,1	18	16,3	77,4	Khá

17	UBND xã Khánh Thành	11,8	19,5	10	18	14	73,3	Khá
18	UBND xã Khánh Công	13,1	14	7,6	16,6	15,6	66,9	Trung bình
19	UBND xã Khánh Thủy	10,3	19	9,2	18	14,7	71,2	Khá
VIII KIM SƠN								
1	UBND xã Xuân Chính	18	20	9,1	18	13,4	78,5	Khá
2	UBND xã Chát Bình	18	20	10	18	17,2	83,2	Tốt
3	UBND xã Hội Ninh	15	9,2	9,2	15	12,2	60,6	Trung bình
4	UBND xã Kim Định	8,7	18,7	10,4	18	14,1	69,9	Trung bình
5	UBND xã Ân Hòa	18	19,7	11,8	18	18	85,5	Tốt
6	UBND xã Hùng Tiến	13,9	20	10,9	18	16,4	79,2	Khá
7	UBND xã Như Hòa	14,9	20	12	18	17	81,9	Tốt
8	UBND xã Quang Thiện	18	18,9	12,7	18	17	84,6	Tốt
9	UBND xã Đồng Hương	18	19,6	11,5	18	14,3	81,4	Tốt
10	UBND xã Kim Chính	9,8	18,2	3,3	18	8,9	58,2	Trung bình
11	UBND xã Thượng Kiệt	18	18,7	12	18	17,3	84	Tốt
12	UBND xã Phát Diệm	16,7	18,5	11,1	18	16,5	80,8	Tốt
13	UBND xã Lưu Phương	13,4	19,4	10,5	18	16	77,3	Khá
14	UBND xã Tân Thành	18	19,7	11,4	18	16,6	83,7	Tốt
15	UBND xã Yên Lộc	18	20	10,2	18	14,7	80,9	Tốt
16	UBND xã Lai Thành	5,1	19,6	12,6	18	16,3	71,6	Khá
17	UBND xã Định Hóa	10,8	16,4	11	17,5	15,6	71,3	Khá
18	UBND xã Văn Hải	12,8	18,8	3,3	18	8,8	61,7	Trung bình
19	UBND xã Kim Mỹ	5,2	19,3	3,3	18	8,8	54,6	Trung bình

20	UBND xã Kim Tân	12	16,8	10,2	17,6	15,1	71,7	Khá
21	UBND xã Cồn Thoi	9,3	18,9	7,6	18	15,2	69	Trung bình
22	UBND xã Bình Minh	11,5	18,3	9,7	18	15,6	73,1	Khá
23	UBND xã Kim Hải	12,6	17,6	11,1	17,7	17,6	76,6	Khá
24	UBND xã Kim Trung	4,1	19,5	11,2	18	17,7	70,5	Khá
25	UBND xã Kim Đông	10,7	20	12,3	18	17	78	Khá

Ghi chú: Số liệu được thống kê ngày 06/8/2024